

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 187/2011/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2011

## **THÔNG TƯ**

**Quy định về định mức phí nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia tại cửa kho Dự trữ Nhà nước do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia số 17/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính quy định về định mức phí nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia tại cửa kho Dự trữ Nhà nước do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý như sau:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về định mức phí nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia tại cửa kho Dự trữ Nhà nước do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý (phụ lục kèm theo).

### **Điều 2. Sử dụng và điều chỉnh định mức nhập, xuất**

1. Các định mức quy định tại danh mục định mức phí nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Thông tư này được sử dụng làm căn cứ để xây dựng, thực hiện kế hoạch nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia từ năm ngân sách năm 2012. Từ năm 2013 đến năm 2014, nếu chỉ số tăng giá bình quân từ 5% trở lên, định mức phí bảo quản năm kế hoạch được tính thêm tương ứng chỉ số tăng giá bình quân năm báo cáo của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ do Tổng cục Thông kê công bố.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước căn cứ vào các danh mục định mức phí nhập, xuất tại Thông tư này và các quy định tại Quyết định số 21/2006/QĐ-BTC ngày 03/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế xây dựng, ban hành và quản lý định mức bảo quản hàng dự trữ quốc gia để hướng dẫn, tổ chức thực hiện, nhưng không vượt quá định mức đã quy định.

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02/02/2012 và thay thế Thông tư số 99/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 về việc ban hành định mức phí nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia tại cửa kho Dự trữ Nhà nước.

2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan đến việc quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổ chức thực hiện. /

#### Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDT.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Chí

**Phụ lục**  
**ĐỊNH MỨC PHÍ NHẬP, XUẤT VẬT TƯ THIẾT BỊ DỰ TRỮ QUỐC GIA TẠI CỬA KHO DTNN**  
**DO TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC TRỰC TIẾP QUẢN LÝ**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 157/2011/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính)



TT	Danh mục định mức	Đơn vị tính	Mức phí	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Phí nhập, xuất xưởng DT4 (ST 1200)	đồng/bộ	4.066.870	
2	Phí nhập, xuất xưởng DT3 (ST 750)	đồng/bộ	3.800.190	
3	Phí nhập, xuất xưởng DT2 (ST 660)	đồng/bộ	3.533.510	
4	Phí nhập, xuất xưởng DT1 (ST 450)	đồng/chiếc	2.280.114	
5	Phí nhập, xuất nhà bạt cứu sinh loại 60 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	226.678	
6	Phí nhập, xuất nhà bạt cứu sinh loại 24,75 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	146.674	
7	Phí nhập, xuất nhà bạt cứu sinh loại 16,5 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	120.006	
8	Phí nhập, xuất phao tròn cứu sinh	đồng/chiếc	5.334	
9	Phí nhập, xuất phao áo cứu sinh	đồng/chiếc	4.134	
10	Phí nhập, xuất bè cứu sinh nhẹ (phao bè)	đồng/chiếc	16.001	
11	Phí nhập, xuất kim loại các loại	đồng/tấn	133.340	
12	Phí nhập, xuất ô tô tải các loại	đồng/chiếc	1.200.060	
13	Phí nhập, xuất xe cần cẩu các loại	đồng/chiếc	1.466.740	
14	Phí nhập, xuất máy xúc, máy ủi các loại	đồng/chiếc	3.666.850	
15	Phí nhập, xuất máy bơm nước chữa cháy	đồng/chiếc	666.700	
16	Phí nhập, xuất máy phát điện	đồng/chiếc	3.400.170	
17	Phí nhập, xuất động cơ thủy	đồng/chiếc	2.666.800	